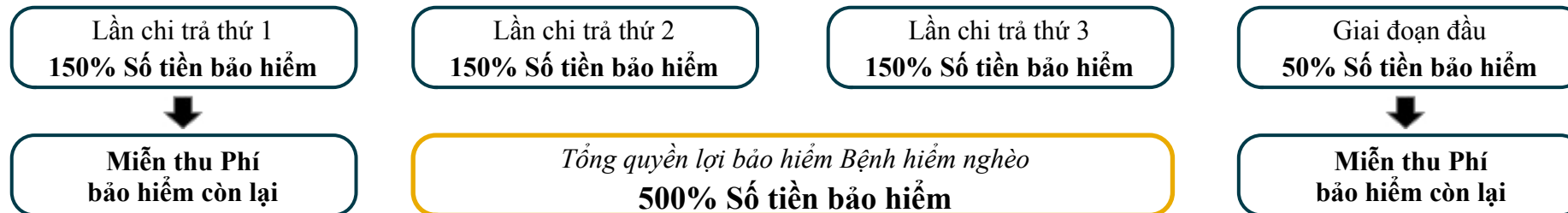


# BẢNG MINH HỌA QUYỀN LỢI HỢP ĐỒNG BẢO HIỂM SẢN PHẨM BẢO AN KHANG

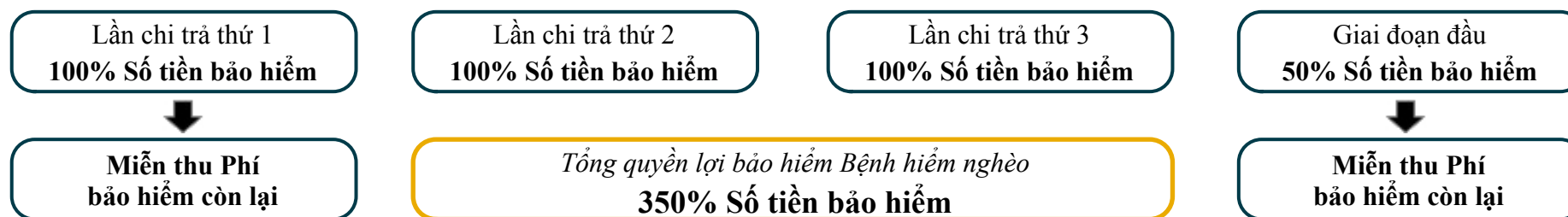
*Sức khỏe như vàng, bình an cuộc sống*

Sức khỏe là tài sản quý giá nhất của mỗi người, sức khỏe càng quan trọng hơn nữa nếu như bạn chính là điểm tựa cho những người thân yêu. Làm sao có thể chu toàn cho cuộc sống của người bạn đời, đầu tư giáo dục cho tương lai con cái hay chăm sóc cho bố mẹ lúc tuổi xế chiều khi sức khỏe bản thân không được đảm bảo. Bảo An Khang cùng với những quyền lợi tài chính vượt trội có thể giúp bảo vệ khách hàng lên đến 4 LẦN trước Danh sách lên đến 42 Bệnh hiểm nghèo đến tuổi 75.

## Quyền lợi bảo hiểm khi Người được bảo hiểm mắc Bệnh hiểm nghèo thuộc Nhóm 1



## Quyền lợi bảo hiểm khi Người được bảo hiểm mắc Bệnh hiểm nghèo thuộc Nhóm 2, Nhóm 3, Nhóm 4 và Nhóm 5



**Bên mua bảo hiểm:** NGUYEN MINH  
**Tuổi:** 30  
**Giới tính:** Nam  
**CMND/Hộ chiếu:**  
**Địa chỉ liên hệ:**

**Người lập:** Thai Thi Nhat Linh  
**Mã số:** P671  
**Ngày lập:** 28/06/2021  
**Chi nhánh:** A&P  
**Điện thoại:** 11111111  
**Địa chỉ Email:** P671@sunlife.com



Người được bảo hiểm (NDBH)	Tuổi - Giới tính	Nhóm nghề nghiệp	Sản phẩm bảo hiểm	Số tiền bảo hiểm (Đồng)	Thời hạn bảo hiểm (Năm)	Thời hạn đóng phí <sup>(1)</sup> (Năm)	Phí bảo hiểm năm (Đồng)
NGUYEN MINH	30 - Nam	1	Bảo An Khang	350.000.000	45	15	15.533.000

Phí bảo hiểm theo định kỳ đóng phí (Đồng)	Quý	Nửa năm	Năm
Phí bảo hiểm cơ bản của sản phẩm chính	3.883.250	7.766.500	15.533.000
Tổng phí bảo hiểm của (các) sản phẩm bổ sung năm đầu <sup>(2)</sup>	0	0	0
Tổng Phí bảo hiểm năm đầu <sup>(3)</sup>	<input type="radio"/> 3.884.000	<input type="radio"/> 7.767.000	<input checked="" type="radio"/> 15.533.000

### Ghi chú:

- (1) Thời hạn đóng phí của sản phẩm chính minh họa trên đây là Thời hạn đóng phí tối thiểu, Quý khách có thể đóng phí với thời hạn dài hơn để gia tăng giá trị tài khoản, tùy thuộc vào nhu cầu tiết kiệm của mình.
- (2) Tổng phí bảo hiểm của (các) sản phẩm bổ sung các năm tiếp theo có thể khác năm đầu nếu Quý khách tham gia thêm (các) sản phẩm bổ sung, tùy thuộc vào nhu cầu bảo vệ của mình hoặc do (các) sản phẩm bổ sung chấm dứt hiệu lực.
- (3) Tổng Phí bảo hiểm năm đầu bao gồm Phí bảo hiểm cơ bản của Sản phẩm chính và phí bảo hiểm của (các) sản phẩm bổ sung (nếu có). Tùy thuộc vào nhu cầu tiết kiệm của mình, Quý khách có thể đóng thêm Phí bảo hiểm đóng thêm để gia tăng Giá trị tài khoản.

## Quyền lợi bảo hiểm sản phẩm chính

Người được bảo hiểm	Sự kiện bảo hiểm	Giá trị chi trả (Đồng)
<b>NGUYEN MINH</b>	<b>Mắc bệnh hiểm nghèo lần 1</b>	
	Bệnh hiểm nghèo Nhóm 1	525.000.000 + Miễn thu phí bảo hiểm còn lại
	Bệnh hiểm nghèo Nhóm 2, 3, 4 và 5	350.000.000 + Miễn thu phí bảo hiểm còn lại
	<b>Mắc bệnh hiểm nghèo lần 2</b>	
	Bệnh hiểm nghèo Nhóm 1	525.000.000
	Bệnh hiểm nghèo Nhóm 2, 3, 4 và 5	350.000.000
<b>Mắc bệnh hiểm nghèo lần 3</b>		
Bệnh hiểm nghèo Nhóm 1	525.000.000 + Giá trị tài khoản	
Bệnh hiểm nghèo Nhóm 2, 3, 4 và 5	350.000.000 + Giá trị tài khoản	
<b>Mắc bệnh hiểm nghèo giai đoạn đầu</b>		175.000.000 + Miễn thu phí bảo hiểm còn lại
<b>Tử vong</b>		35.000.000 + Giá trị tài khoản

## Danh sách Bệnh hiểm nghèo

Nhóm 1	Nhóm 2	Nhóm 3	Nhóm 4	Nhóm 5	Giai đoạn đầu
Ung thư	Các bệnh suy cơ quan chính	Các bệnh của hệ thống tuần hoàn	Các bệnh của hệ thống thần kinh	Các bệnh khác	
1. Ung thư đe dọa tính mạng	2. Bệnh thiếu máu bất sản 3. Mất thị lực 4. Bệnh gan giai đoạn cuối 5. Bệnh phổi giai đoạn cuối 6. Suy thận giai đoạn cuối 7. Mất thính lực 8. Ghép nội tạng chính 9. Cây ghép tủy xương 10. Viêm gan siêu vi tối cấp 11. Bệnh Lupus đỏ hệ thống có biến chứng viêm thận do Lupus 12. Bệnh nang tủy thận 13. Bệnh nặng giai đoạn cuối	14. Phẫu thuật bắc cầu động mạch vành 15. Bệnh nhồi máu cơ tim 16. Phẫu thuật thay thế van tim 17. Tăng áp lực động mạch phổi nguyên phát Pulmonary 18. Bệnh cơ tim 19. Phẫu thuật động mạch chủ	20. Bệnh Alzheimer / Mất trí nghiêm trọng 21. Phẫu thuật sọ não 22. U não lành tính 23. Hôn mê 24. Bệnh tế bào thần kinh vận động 25. Bệnh đa xơ cứng 26. Bệnh teo cơ 27. Bệnh Parkinson 28. Đột quy 29. Viêm đa khớp dạng thấp nặng 30. Liệt	31. Viêm màng não do vi khuẩn 32. Mất khả năng phát âm 33. Mất các chi 34. Bỏng nặng 35. Chấn thương sọ não nghiêm trọng 36. Viêm não 37. Bệnh bại liệt	1. Ung thư biểu mô tại chỗ/ Ung thư giai đoạn đầu tại các cơ quan cụ thể 2. Đặt lưới lọc tĩnh mạch chủ 3. Cây máy tạo nhịp tim/ Cây máy khử rung tim 4. Phẫu thuật cắt bỏ một bên thận/ Suy thận cấp 5. Đặt lưu dẫn não thất/ Phẫu thuật phình động mạch não

Đơn vị tính: nghìn đồng

Năm hợp đồng	Tuổi	Tổng Phí bảo hiểm (1)	Tổng Phí bảo hiểm phân bổ	Quyền lợi bảo hiểm khi NĐBH mắc Bệnh hiểm nghèo					Quyền lợi bảo hiểm khi NĐBH tử vong <sup>(4)</sup>	Giá trị minh họa tại mức lãi suất tích lũy 6.5%/năm (5)		Giá trị minh họa tại mức lãi suất tích lũy đảm bảo (6)	
				Giai đoạn đầu <sup>(2)</sup>	Lần 1/ Lần 2		Lần 3 <sup>(3)</sup>			Giá trị tài khoản	Giá trị hoàn lại <sup>(7)</sup>	Giá trị tài khoản	Giá trị hoàn lại <sup>(7)</sup>
					Nhóm 1	Nhóm 2-5	Nhóm 1	Nhóm 2-5					
1	30	15.533	6.990	175.000	525.000	350.000	531.503	356.503	41.503	6.503	-	6.275	-
2	31	15.533	8.543	175.000	525.000	350.000	540.043	365.043	50.043	15.043	-	14.300	-
3	32	15.533	10.873	175.000	525.000	350.000	551.573	376.573	61.573	26.573	2.657	24.918	2.492
4	33	15.533	13.203	175.000	525.000	350.000	566.271	391.271	76.271	41.271	6.191	38.195	5.729
5	34	15.533	13.980	175.000	525.000	350.000	582.687	407.687	92.687	57.687	11.537	52.606	10.521
6	35	15.533	14.290	175.000	525.000	350.000	600.422	425.422	110.422	75.422	18.855	67.691	16.923
7	36	15.533	14.290	175.000	525.000	350.000	619.240	444.240	129.240	94.240	28.272	83.161	24.948
8	37	15.533	14.290	175.000	525.000	350.000	639.169	464.169	149.169	114.169	39.959	98.985	34.645
9	38	15.533	14.290	175.000	525.000	350.000	660.274	485.274	170.274	135.274	54.110	115.166	46.066
10	39	15.533	14.290	175.000	525.000	350.000	682.624	507.624	192.624	157.624	70.931	131.708	59.269
11	40	15.533	14.601	175.000	525.000	350.000	706.638	531.638	216.638	181.638	90.819	148.949	74.474
12	41	15.533	14.601	175.000	525.000	350.000	732.058	557.058	242.058	207.058	113.882	166.554	91.605
13	42	15.533	14.601	175.000	525.000	350.000	758.937	583.937	268.937	233.937	140.362	184.499	110.699
14	43	15.533	14.601	175.000	525.000	350.000	787.336	612.336	297.336	262.336	170.518	202.758	131.793
15	44	15.533	14.601	175.000	525.000	350.000	904.863	729.863	414.863	379.863	265.904	308.852	216.196
16	45			175.000	525.000	350.000	926.737	751.737	436.737	401.737	301.302	315.351	236.513
17	46			175.000	525.000	350.000	949.782	774.782	459.782	424.782	339.826	321.799	257.439
18	47			175.000	525.000	350.000	974.079	799.079	484.079	449.079	381.717	328.199	278.969
19	48			175.000	525.000	350.000	999.764	824.764	509.764	474.764	427.288	334.603	301.143
20	49			175.000	525.000	350.000	1.026.922	851.922	536.922	501.922	476.826	341.007	323.957
21	50			175.000	525.000	350.000	1.055.629	880.629	565.629	530.629	530.629	347.389	347.389

Đơn vị tính: nghìn đồng

Năm hợp đồng	Tuổi	Tổng Phí bảo hiểm (1)	Tổng Phí bảo hiểm phân bổ	Quyền lợi bảo hiểm khi NĐBH mắc Bệnh hiểm nghèo					Quyền lợi bảo hiểm khi NĐBH tử vong <sup>(4)</sup>	Giá trị minh họa tại mức lãi suất tích lũy 6.5%/năm (5)		Giá trị minh họa tại mức lãi suất tích lũy đảm bảo (6)	
				Giai đoạn đầu (2)	Lần 1/ Lần 2		Lần 3 (3)			Giá trị tài khoản	Giá trị hoàn lại <sup>(7)</sup>	Giá trị tài khoản	Giá trị hoàn lại <sup>(7)</sup>
					Nhóm 1	Nhóm 2-5	Nhóm 1	Nhóm 2-5					
26	55			175.000	525.000	350.000	1.224.091	1.049.091	734.091	699.091	699.091	377.013	377.013
31	60			175.000	525.000	350.000	1.438.010	1.263.010	948.010	913.010	913.010	395.766	395.766
36	65			175.000	525.000	350.000	1.705.325	1.530.325	1.215.325	1.180.325	1.180.325	393.807	393.807
41	70			175.000	525.000	350.000	2.035.424	1.860.424	1.545.424	1.510.424	1.510.424	358.239	358.239
45	74			175.000	525.000	350.000	2.343.979	2.168.979	1.853.979	1.818.979	1.818.979	287.062	287.062

**Quyền lợi thưởng hoàn tất đóng phí:<sup>(8)</sup> 87.500.000 đồng**

**Ghi chú:**

- Tổng Phí bảo hiểm bao gồm Phí bảo hiểm cơ bản, Phí bảo hiểm đóng thêm (nếu có) và Phí bảo hiểm của (các) SPBS (nếu có). Phí bảo hiểm của (các) SPBS (nếu có) được minh họa theo Thời hạn đóng phí của sản phẩm chính. Theo đó, nếu Thời hạn đóng phí của (các) SPBS (nếu có) dài hơn Thời hạn đóng phí của sản phẩm chính, Phí bảo hiểm của (các) SPBS sẽ được tự động khấu trừ từ Giá trị tài khoản cho đến khi kết thúc Thời hạn đóng phí của (các) SPBS hoặc đến khi Giá trị tài khoản bằng 0.
- Quyền lợi bảo hiểm khi NĐBH mắc Bệnh hiểm nghèo giai đoạn đầu tối đa là 500 triệu.
- Quyền lợi bảo hiểm khi NĐBH mắc Bệnh hiểm nghèo lần thứ ba được minh họa dựa trên Giá trị tài khoản tại mức Lãi suất tích lũy minh họa.
- Quyền lợi bảo hiểm khi NĐBH tử vong được minh họa dựa trên Giá trị tài khoản tại mức Lãi suất tích lũy minh họa.
- Lãi suất tích lũy minh họa không vượt quá trung bình các mức lãi suất tích lũy của sản phẩm được Sun Life Việt Nam công bố trong 60 tháng gần nhất.
- Lãi suất tích lũy đảm bảo là 3%/năm cho tất cả các Năm hợp đồng.
- Giá trị hoàn lại là số tiền Quý khách sẽ nhận được nếu yêu cầu chấm dứt Hợp đồng bảo hiểm trước thời hạn. Giá trị này được xác định bằng Giá trị tài khoản trừ đi Chi phí hủy hợp đồng.
- Quyền lợi thưởng hoàn tất đóng phí đã bao gồm trong Giá trị tài khoản/Giá trị hoàn lại tại cuối Thời hạn đóng phí của sản phẩm chính.
  - Các giá trị minh họa trên là giá trị tại cuối mỗi Năm hợp đồng.
  - Hợp đồng mất hiệu lực khi Giá trị tài khoản thấp hơn Khoản khấu trừ hàng tháng.

## TÓM TẮT CHI PHÍ CỦA HỢP ĐỒNG BẢO HIỂM

*Đơn vị tính: nghìn đồng*

Năm hợp đồng	Tuổi	Chi phí ban đầu	Chi phí quản lý hợp đồng	Chi phí bảo hiểm rủi ro của sản phẩm chính*	Chi phí bảo hiểm rủi ro của sản phẩm bổ sung
1	30	8.543	360	549	-
2	31	6.990	360	588	-
3	32	4.660	360	633	-
4	33	2.330	360	693	-
5	34	1.553	360	756	-
6	35	1.243	360	833	-
7	36	1.243	360	899	-
8	37	1.243	360	1.008	-
9	38	1.243	360	1.123	-
10	39	1.243	360	1.246	-
11	40	932	360	1.361	-
12	41	932	360	1.512	-
13	42	932	360	1.697	-
14	43	932	360	1.918	-
15	44	932	360	2.128	-
16	45	-	360	2.362	-
17	46	-	360	2.604	-
18	47	-	360	2.842	-
19	48	-	360	3.027	-
20	49	-	360	3.216	-
21	50	-	360	3.426	-
26	55	-	360	5.309	-
31	60	-	360	8.865	-
36	65	-	360	13.884	-
41	70	-	360	21.367	-
45	74	-	360	30.845	-

\*Dựa trên mức lãi suất tích lũy đảm bảo

## 1. Chi phí ban đầu

Chi phí ban đầu được tính bằng phần trăm (%) của Phí bảo hiểm cơ bản và Phí bảo hiểm đóng thêm. Chi phí ban đầu được khấu trừ trước khi phân bổ vào tài khoản theo tỷ lệ sau:

Phí bảo hiểm cơ bản

Thời hạn đóng phí tối thiểu (Năm)	Năm hợp đồng							
	1	2	3	4	5	6 - 10	11 - 15	16 +
15	55%	45%	30%	15%	10%	8%	6%	0%

Phí bảo hiểm đóng thêm

Thời hạn đóng phí tối thiểu (Năm)	Năm hợp đồng					
	1	2	3	4	5	6 +
15	5%	5%	5%	5%	5%	3%

## 2. Chi phí bảo hiểm rủi ro

Chi phí bảo hiểm rủi ro được khấu trừ hàng tháng từ tài khoản để chi trả quyền lợi bảo hiểm của Hợp đồng bảo hiểm. Chi phí bảo hiểm rủi ro thay đổi theo Tuổi hiện tại và Giới tính của Người được bảo hiểm.

## 3. Chi phí quản lý hợp đồng

Chi phí quản lý hợp đồng hiện tại là ba mươi ngàn đồng một tháng (30.000 đồng/tháng), sẽ được khấu trừ hàng tháng từ tài khoản.

## 4. Chi phí quản lý quỹ

Chi phí quản lý quỹ sẽ được Công ty khấu trừ từ lãi suất đầu tư thực tế của Quỹ liên kết chung trước khi công bố lãi suất tích lũy để ghi nhận vào tài khoản. Chi phí quản lý quỹ hiện tại là hai phần trăm một năm (2%/năm).

## 5. Chi phí hủy bỏ hợp đồng

Chi phí hủy hợp đồng được tính bằng tỷ lệ phần trăm (%) của Giá trị tài khoản như sau:

Thời hạn đóng phí tối thiểu (Năm)	Năm hợp đồng																				
	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21+
15	100%	100%	90%	85%	80%	75%	70%	65%	60%	55%	50%	45%	40%	35%	30%	25%	20%	15%	10%	5%	0%

*Lưu ý: Các chi phí nêu trên không được bảo đảm và có thể thay đổi theo phê duyệt của Bộ Tài chính.*

Tôi, **Bên mua bảo hiểm**, ký tên vào Bảng minh họa quyền lợi Hợp đồng bảo hiểm này (Bảng minh họa quyền lợi này), cam kết rằng đã đọc, hiểu rõ và đồng ý với những nội dung đề cập sau đây:

1. Tôi được Tư vấn tài chính của Sun Life Việt Nam giải thích rõ về Bảng minh họa quyền lợi này; các quyền lợi bảo hiểm; các điều kiện, điều khoản bảo hiểm; các loại phí, chi phí và phương thức phân bổ, khấu trừ phí; chính sách và mục tiêu đầu tư của Quỹ liên kết chung và các sản phẩm bổ sung (nếu có).
2. Bảng minh họa quyền lợi này được tính toán dựa trên điều kiện Người được bảo hiểm được thẩm định ở mức rủi ro chuẩn. Phí bảo hiểm và Chi phí bảo hiểm rủi ro thực tế sẽ tùy thuộc vào kết quả thẩm định và có thể làm thay đổi Giá trị tài khoản và Giá trị hoàn lại của Hợp đồng bảo hiểm.
3. Giá trị tài khoản thực tế của Hợp đồng bảo hiểm tùy thuộc vào mức lãi suất tích lũy thực tế, Phí bảo hiểm thực đóng, và có thể cao hơn hoặc thấp hơn Giá trị tài khoản được thể hiện trong Bảng minh họa quyền lợi này.
4. Hợp đồng bảo hiểm này sẽ mất hiệu lực khi Phí bảo hiểm không được đóng đầy đủ và đúng hạn trong suốt Thời hạn đóng phí tối thiểu hoặc khi Giá trị tài khoản nhỏ hơn các khoản khấu trừ hàng tháng và các Khoản nợ (nếu có).
5. Phí bảo hiểm được đóng theo các phương thức được quy định bởi Công ty tại từng thời điểm. Trong trường hợp được sự chấp thuận của Bộ Tài chính, Công ty có thể thay đổi mức phí của các sản phẩm bảo hiểm bổ sung. Tuy nhiên, mức phí mới chỉ được áp dụng vào Ngày kỉ niệm hợp đồng và Công ty sẽ thông báo trước 03 (ba) tháng cho Bên mua bảo hiểm bằng văn bản.
6. Bảng minh họa quyền lợi này chỉ có giá trị sử dụng khi có đầy đủ số trang và không được xem như là Hợp đồng bảo hiểm hay đề nghị giao kết hợp đồng.
7. "Công ty" hoặc "Sun Life Việt Nam" được hiểu là Công ty TNHH Bảo hiểm Nhân thọ Sun Life Việt Nam.

Ngày..... Tháng..... Năm.....

[Họ và tên Bên mua bảo hiểm (viết bằng chữ thường)]

Tôi, **Tư vấn Tài chính**, ký tên vào Bảng minh họa quyền lợi này, cam kết rằng đã phân tích nhu cầu tài chính, tư vấn giải pháp bảo hiểm phù hợp và giải thích Bảng minh họa quyền lợi này với Bên mua bảo hiểm nêu trên một cách đầy đủ, rõ ràng, cụ thể và trung thực. Tôi xác nhận chữ ký trên đây được ký trước sự chứng kiến của tôi và theo sự hiểu biết của tôi đó là chữ ký của Bên mua bảo hiểm của Bảng minh họa quyền lợi này.

Ngày..... Tháng..... Năm.....

[Họ và tên Tư vấn tài chính (viết bằng chữ thường)]